

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 8 – 2017
V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con và
cấp dưỡng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hùng.
2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 17/4/2017 của anh Nguyễn Văn T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Trên cơ sở tìm hiểu, quen biết nhau, được sự đồng ý của gia đình. Anh T và chị H tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian hạnh phúc vợ chồng được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, chị H không quan tâm đến đời sống gia đình, nên anh T và chị H sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Anh T nhận thấy không còn tình cảm

với chị H nên yêu cầu ly hôn. Trong quá trình chung sống anh chị có với nhau hai người con chung tên là Nguyễn Nhựt D, sinh ngày 10/5/2009 và Nguyễn Thúy V, sinh ngày 09/10/2012, hiện nay, đang sống chung với anh T. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phía bị đơn là chị Nguyễn Thị H: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị H không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

+ Phía nguyên đơn là anh T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án bao gồm: Đơn khởi kiện của anh T, ghi ngày 17/4/2017; bản tự khai của anh T, ghi ngày 17/4/2017; bản tự khai của Nguyễn Nhựt D, ghi ngày 17/4/2017; bản tự khai của Nguyễn Thúy V, ghi ngày 17/4/2017; chứng minh nhân dân của anh T, bản photo có chứng thực; 01 sổ hộ khẩu của chủ hộ Phan Thị Yên, bản photo có chứng thực; giấy khai sinh của Nguyễn Nhựt D, bản photo có chứng thực; giấy khai sinh của Nguyễn Thúy V, bản photo có chứng thực; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 02 đơn yêu cầu xác nhận nơi cư trú của anh T đối với chị H, ghi ngày 14/4/2017 và 15/4/2017; 01 phiếu gửi phát nhanh đơn khởi kiện, tài liệu và chứng cứ cho chị H, ghi ngày 17/4/2017; đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của anh T, ghi ngày 12/7/2017.

+ Phía bị đơn là chị H không có giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Anh T trình bày trên cơ sở tìm hiểu, quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình, anh T và chị H tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc ngày 09/02/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp nên không phải chứng minh.

+ Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Nhựt D, sinh ngày 10/5/2009 và Nguyễn Thúy V, sinh ngày 09/10/2012. Theo giấy khai sinh của Nguyễn Nhựt D và Nguyễn Thúy V (bản sao, có xác nhận của chính quyền địa phương) do anh T giao nộp cho Tòa án thì xác định anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H là cha, mẹ ruột của Nguyễn Nhựt D và Nguyễn Thúy V nên tình tiết, sự kiện này đương sự không cần phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho chị H nhưng chị H không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải thì chị H cũng không tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện anh T yêu cầu được ly hôn với chị H là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn là chị H. Nhưng chị H đã vắng mặt cả hai lần không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

Ngày 12/7/2017 anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ việc:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của anh T thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị H là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự đồng cảm, chị H và anh T sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, anh chị không tự hàn gắn được với nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, hôn nhân giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh T về việc xin ly hôn với chị H.

- Về con chung: Xét yêu cầu nuôi hai con chung của anh T là cháu Nguyễn Nhựt D, sinh ngày 10/5/2009 và Nguyễn Thúy V, sinh ngày 09/10/2012 là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ từ khi ly thân đến nay cháu Nguyễn Nhựt D và Nguyễn Thúy V vẫn do anh T nuôi dưỡng. Tại bản tự khai của Nguyễn Nhựt D và Nguyễn Thúy V thì nguyện vọng của các cháu mong muốn sống với anh T sau khi anh T và chị H ly hôn.

Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T trình bày không yêu cầu giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H

- Về con chung: Giao hai con chung tên là Nguyễn Nhựt D, sinh ngày 10/5/2009 và Nguyễn Thúy V, sinh ngày 09/10/2012 cho anh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số N^o 0007873 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên anh T không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cảnh